TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ H** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2022
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ H, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An

Ông Cấn Kim Khôi

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Tạ Đ, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đoàn Kết, huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đồng V, xã Nghĩa H, huyện Tư Ng, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đoàn Kết, huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Xã Hàm Đ, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Th (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án anh Tạ Đ (anh Đ) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Đ *(anh Đ)* và chị Huỳnh Thị Ngọc B *(chị B)* tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Đoàn Kết, huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/10/2011. Sau khi đăng ký kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Thì đến những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không tìm được tiếng nói chung, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được.

Đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài không thể hòa hợp dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó anh Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị B.

Về con chung: Trong thời gian sống chung không có con chung.

Về con riêng: Trước khi đến với anh Đ, chị B đã từng có lập gia đình nhưng sống không hạnh phúc nên đã ly hôn. Trong thời gian sống chung với người chồng trước thì chị B có 02 con chung nhưng hiện tại các con của chị B đã thành niên và đã lập gia đình nên anh Đ không có ý kiến gì.

Về con nuôi: Trong thời gian sống chung anh Đ, chị B có nhận 01 con nuôi là cháu Tạ Công Phước, sinh ngày 03/02/2017. Hiện cháu Phước đang ở với anh Đ. Ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Phước mà không yêu cầu chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Xác định có tài sản chung nhưng các bên đã thỏa thuận tự phân chia xong, các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, sống chung và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như lời trình bày của anh Đ là hoàn toàn đúng, thời gian gần đây giữa chị B, anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không tìm được tiếng nói chung, trong các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Đến nay mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hòa hợp dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Đ khởi kiện xin ly hôn thì chị B cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian sống chung không có con chung.

Về con riêng: Trước khi đến với anh Đ, chị B đã từng có lập gia đình nhưng sống không hạnh phúc nên chị B đã ly hôn. Trong thời gian sống chung với người chồng trước thì chị B có 02 con chung nhưng hiện tại các con của chị B đã thành niên và đã lập gia đình nên chị B không có ý kiến gì.

Về con nuôi: Trong thời gian sống chung anh Đ, chị B có nhận 01 con nuôi là cháu Tạ Công Phước, sinh năm 2017. Hiện cháu Phước đang ở với anh Đ. Ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi con là cháu Phước mà không yêu cầu chị B

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì chị B cũng đồng ý giao con cho anh Đ nuôi dưỡng .

Về tài sản chung, về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ chị B đến Tòa để hòa giải các đương sự theo quy định. Tuy nhiên, do công việc nên chị B không thể thường xuyên đến Tòa làm việc, đồng thời có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử sơ thẩm nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự. Do vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn chị B. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ xin được ly hôn với chị B.

Về con nuôi: Ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi con là cháu Phước mà không yêu cầu chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Xác định không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy Đ theo quy định pháp luật về tố tụng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống anh Đ, chị B xảy ra mâu thuẫn. Kể từ tháng 03 năm 2022 đến nay không còn sống chung với nhau, trong thời gian sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa anh Đ, chị B không còn. Anh Đ xin ly hôn thì chị B cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

+ Về con nuôi: Ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Phước mà không yêu cầu chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ly hôn chị B cũng đồng ý

giao con cho anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Anh Đ, chị B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Anh Đ, chị B xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh Đ khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy Đ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về tố tụng.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ cho bị đơn chị B đến Tòa tham gia tố tụng nhưng chị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Anh Đ, chị B tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đoàn Kết, huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/10/2011. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ, chị B được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với chị B. Tại thời điểm anh Đ khởi kiện vụ án, chị B có nơi cư trú và có mặt tại xã Đoàn Kết, huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* và Tòa án nhân dân huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đ thì thấy rằng: Sau khi kết hôn anh Đ, chị B chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Từ tháng 03 năm 2022 đến nay anh Đ và chị B không còn chung sống với nhau, trong thời gian sống ly thân giữa anh Đ, chị B không quan tâm gì

đến nhau. Điều ngày cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn cho anh Đ được ly hôn với chị B là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[3.2] Về con:

Về con chung: Trong thời gian sống chung anh Đ, chị B không có con chung.

Về con riêng: Trước khi đến với anh Đ, chị B đã từng có lập gia đình nhưng sống không hạnh phúc nên chị B đã ly hôn. Trong thời gian sống chung với người chồng trước thì chị B có 02 con chung nhưng hiện tại các con của chị B đã thành niên và đã lập gia đình nên anh Đ không có ý kiến gì.

Về con nuôi: Trong thời gian sống chung anh Đ, chị B có nhận 01 con nuôi là cháu Tạ Công Phước, sinh ngày 03/02/2017. Hiện cháu Phước đang ở với anh Đ. Ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Phước mà không yêu cầu chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà không yêu cầu chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đồng thời chị B cũng đồng ý giao con cho anh Đ là người chăm sóc. Vì vậy, giao con cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không buộc chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[3.4] Về tài sản chung: Anh Đ, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3.5] Về nợ chung: Anh Đ, chị B xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.6] Về án phí: Anh Đ khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Đ đối với chị Huỳnh Thị Ngọc B về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Đ được ly hôn với chị Huỳnh Thị Ngọc B.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Công Phước, sinh ngày 03 tháng năm 2017 cho anh Đạ Tủ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên. Chị Huỳnh Thị Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh Tạ Đ phải chịu nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000263 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐẠ H, tỉnh Lâm Đồng, anh Đ đã nộp Đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện ĐẠ H (02);
- Chi cục THADS huyện ĐẠ H (02);
- UBND xã Đoàn K, huyện ĐẠ H (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Án văn (03);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Lập